

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ ĐỒN
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2020/HNGĐ-ST

Ngày : 10/9/2020

V/v: Ly hôn, nuôi con chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ ĐỒN - TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Đình Hưng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nông Văn Điền và ông Nông Quang Mỹ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Ngọc Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Đồn tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Hữu Học – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2020, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn xét xử công khai vụ án thụ lý số: 54/2020/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2020 về Ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Triệu Thị M - sinh năm 1990

Địa chỉ nơi cư trú: Xóm K, xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Có mặt

- Bị đơn: Anh Nông Văn M - sinh năm 1991

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn N, xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong đơn xin ly hôn đề ngày 23/6/2020 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Triệu Thị M trình bày:**

Chị Triệu Thị M kết hôn với anh Nông Văn M trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 11 tháng 5 năm 2017 tại UBND xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên, được tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị sinh

sống tại nhà riêng của chị M tại xóm Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc do anh M không quan tâm đến vợ con. Hai vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không thể tìm được tiếng nói chung vì anh M đi vay tín dụng đen làm ảnh hưởng đến gia đình, tài sản tự tay chị M mua sắm trước khi kết hôn như chiếc xe máy và ba con trâu cũng bị anh M bán đi để tiêu sài cá nhân mà không dùng để lo cho kinh tế gia đình. Vợ chồng chị đã ly thân từ tháng 10 năm 2019 đến nay. Trong thời gian ly thân chị Triệu Thị M và anh Nông Văn M không qua lại nói chuyện với nhau, không ai quan tâm đến ai. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị M đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh M.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung tên là Nông Thành C, sinh ngày 07/10/2017. Hiện nay con chung đang sống cùng với chị M ở tại xóm K, xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Khi ly hôn, chị M có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị M không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con hàng tháng.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Trong quá trình tố tụng, bị đơn là anh Nông Văn M trình bày:**

Anh M kết hôn với chị Triệu Thị M trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 11/5/2017 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên, được tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán. Quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng hay xảy ra xô xát, dẫn đến tình cảm vợ chồng sút mẻ. Anh M và chị M đã ly thân từ tháng 10 năm 2019 cho đến nay, trong thời gian ly thân vợ chồng không qua lại thăm hỏi và nói chuyện với nhau, không quan tâm đến nhau.

Nay, anh M xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị M xin ly hôn, anh M đồng ý.

Về con chung: Có 01 con chung tên là tên là Nông Thành C, sinh ngày 07/10/2017. Hiện nay con chung đang sống cùng với chị M ở tại xóm K, xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Khi ly hôn, anh M có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh M không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con hàng tháng.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện

đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Việc tuân thủ pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng chị Triệu Thị M và anh Nông Văn M đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Triệu Thị M, xử cho chị M được ly hôn với anh M.

Về con chung: Xét thấy hiện nay con chung chưa đủ 36 tháng tuổi, trên cơ sở nguyện vọng và điều kiện hiện tại của nguyên đơn là chị Triệu Thị M. Đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung cho chị Triệu Thị M trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Anh M không phải cấp dưỡng nuôi con chung và được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

Buộc chị M phải chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về pháp luật tố tụng dân sự. Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình giữa nguyên đơn chị Triệu Thị M và anh Nông Văn M. Yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề về quan hệ hôn nhân và nuôi con chung. Theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự và luật Hôn nhân và gia đình vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân huyện C, tỉnh B. Tòa án đã giải quyết vụ án theo đúng trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Nội dung vụ án.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Triệu Thị M và anh Nông Văn M có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 11/5/2017 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Trước khi đi đến kết hôn hai bên có được tìm hiểu nhau và đi đến hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Nay, chị M xin ly hôn với anh M do trong quá trình chung sống, vợ chồng chị M và anh M xảy ra nhiều mâu thuẫn, xuất phát từ việc anh M không chăm lo cho gia đình, từ đó vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra xô xát, cãi vã dẫn đến sút mẻ tình cảm vợ chồng. Chị M và anh M đã ly thân từ tháng 10 năm 2019 đến nay. Trong thời gian ly thân hai vợ chồng không ai còn quan tâm đến ai. Tại phiên tòa chị M khẳng định chị và anh M không còn quan tâm đến nhau nữa và chị không còn tình cảm với anh M, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh M.

Trong quá trình tố tụng, anh M xác nhận quá trình hôn nhân và mâu thuẫn vợ chồng đúng như chị M đã trình bày. Theo lời khai của anh M tại Tòa án,

vợ chồng anh đã ly thân từ tháng 10 năm 2019 đến nay. Anh M đã chuyển về sinh sống tại thôn N, xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Trong thời gian hai vợ chồng ly thân, anh M và chị M không còn quan tâm đến nhau. Tại phiên tòa, anh M xác nhận tình cảm vợ chồng không còn nên anh cũng nhất trí ly hôn với chị M.

Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị M và anh M đã rạn nứt khó hàn gắn lại được. Sau khi chị M có đơn xin ly hôn gửi đến Tòa án, phía anh M cũng hoàn toàn nhất trí chứng tỏ cả hai bên không còn tình cảm với nhau. Mặt khác, anh, chị cũng không có biện pháp tích cực nào để cải thiện lại mối quan hệ vợ chồng. Như vậy có thể thấy rằng hôn nhân giữa chị M và anh M đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, việc cho hai bên đoàn tụ sẽ không đem lại hạnh phúc cho nhau. Vì vậy, cần chấp nhận đơn khởi kiện của chị Triệu Thị M.

Về con chung: Chị Triệu Thị M và anh Nông Văn M có 01 con chung tên là Nông Thành C, sinh ngày 07/10/2017. Hiện nay con chung đang sống với chị M tại xóm K, xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Khi ly hôn, chị M và anh M đều có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục con chung. Chị M và anh M đều không yêu cầu phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét về điều kiện chăm sóc con chung của anh, chị thấy rằng: Chị M và anh M đều là lao động tự do, hiện nay anh M đang làm việc tại hai Công ty có trụ sở ở thành phố H và tỉnh T, mức thu nhập hàng tháng trung bình khoảng 20.000.000đ/1 tháng đối với công việc ở cả hai công ty. Tuy nhiên anh M hiện tại vẫn đang sống cùng nhà với bố mẹ ở tại thôn N, xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn – chưa có nhà riêng. Công việc của anh M cũng đòi hỏi thường xuyên phải xa nhà.

Về phía chị M, chị M hiện đã có nhà riêng ở xóm K, xã Đ, huyện P, tỉnh T có 02 thửa đất là tài sản riêng do bố đẻ tặng cho. Xét nguyện vọng của chị M và anh M về việc nuôi con đều chính đáng. Tuy nhiên, hiện nay cháu Nông Thành C đang được chị Triệu Thị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, cháu C phát triển ổn định về thể chất và tinh thần, bản thân cháu Công hiện chưa đủ 36 tháng tuổi (sinh ngày 07/10/2017). Vì vậy Hội đồng xét xử giao con cho chị Triệu Thị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định của pháp luật.

Mặc dù anh Nông Văn M không trực tiếp nuôi con, nhưng anh M vẫn có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của pháp luật mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị M không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con hàng tháng.

Về tài sản chung: Chị M và anh M thừa nhận không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Chị M và anh M thừa nhận không có nợ chung nên Hội đồng xét

xử không xem xét.

[3]. **Về án phí:** Chị Triệu Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm của vụ án hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của chị.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Triệu Thị M. Chị Triệu Thị M được ly hôn với anh Nông Văn M.

- *Về nuôi con chung:* Giao con chung tên là Nông Thành C, sinh ngày 07/10/2017 cho chị Triệu Thị M được trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị M không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con hàng tháng.

Anh M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của pháp luật mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Chị M và anh M xác nhận không có.

- *Về án phí:* Buộc chị Triệu Thị M phải chịu 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm của vụ án hôn nhân gia đình. Chị Triệu Thị M được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị M đã nộp là 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 06249 ngày 30 tháng 06 năm 2020 của Chi cục thi hành án huyện C. Chị Triệu Thị M đã nộp đủ án phí.

"Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh: 01
- VKS huyện CDồn 01
- VKS tỉnh Bắc Kạn 01
- THADS huyện CDồn 01
- UBND xã Đ 01
- (Nơi đăng ký kết hôn)
- Các đương sự 02
- Lưu hồ sơ 01
- Lưu vp 01

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đặng Đình Hưng